

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24-03-2023
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Công Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lộc

Bà Nguyễn Thị Di

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên tòa: Bà Vũ Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Ngọc T, sinh năm: 1993;

HKTT: G, tổ 14, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Chỗ ở: Cảng Đ, khu phố P, phường T, thị xã M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Tổ 9, ấp V, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Ông T có đơn xin vắng mặt, bà M vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các văn bản làm việc tại tòa nguyên đơn ông Lê Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Ngọc T và bà Phạm Thị M yêu thương và đi đến cưới nhau năm 2005, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/10/2019, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 221, ngày 10- 10-2019. Trong thời gian chung sống ông T và bà M thường đã xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và không thể hàn gắn được. Thấy không còn tình cảm nữa, nên ông T mong muốn được Tòa án huyện Long Điền giải quyết cho ông T được ly hôn với bà Phạm Thị M.

Về con chung và cấp dưỡng: Ông Lê Ngọc T và bà Phạm Thị M không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của ông T, Tòa án triệu tập bà M để làm việc nhưng bà M không đến Tòa để làm việc. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà M ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Lê Ngọc T. Về con chung: Ông T bà M không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông T xác định yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn đối với bà M được xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”. Nơi cư trú của bà Phạm Thị M ở xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Ngọc T và bà Phạm Thị M sống chung với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10-10-2019, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được. Quá trình tố tụng bà M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc bà M cố tình vắng mặt cho thấy không có thiện chí hòa giải đoàn tụ mà bỏ mặc cho mâu thuẫn đến đâu thì đến. Theo kết quả xác minh bà M đang sinh sống tại địa phương nhưng quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm rõ. Ông T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn trong khi đó bà M cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, bà M không có thiện chí hàn gắn tình cảm, ông T kiên quyết xin ly hôn cho thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân Gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của ông T là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông T là nguyên đơn nên phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Ngọc T về việc “Ly hôn” đối với bà Phạm Thị M.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Ngọc T được ly hôn với bà Phạm Thị M.

1.2 Về con chung và cấp dưỡng: Không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Ngọc T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009235 ngày 10-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND xã Phước Hưng (số 221, ngày 10-10-2019;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Dương Công Hiếu

